

Số: **633** /BDT-CSTT

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 10 năm 2019

V/v triển khai công tác tuyên truyền
“Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã
hội vùng đồng bào DTTS&MN” và
“Khung Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng
bào DTTS&MN”

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện miền núi;
- UBND các huyện, thị xã có xã miền núi.

Thực hiện Công văn số 1038/UBND-TT ngày 16/9/2019 của Ủy ban Dân tộc về việc Tuyên truyền “Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN” và “Khung Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN”;

Nhằm mục đích nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, tăng thu nhập để giảm nghèo và thúc đẩy phát triển toàn diện vùng dân tộc thiểu số và miền núi, thu hẹp dần khoảng cách với các vùng phát triển; Tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV ngày 20/11/2018 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 74/2018/QH14, giao Chính phủ xây dựng “Đề án tổng thể đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” và “Khung Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN” trình Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ 8; Chính phủ đã giao Ủy ban Dân tộc phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng “Đề án tổng thể đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” và “Khung Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN” để Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt. Đây là lần đầu tiên Quốc hội xem xét, quyết định Đề án tổng thể và Khung chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2019).

Để tuyên truyền Đề án tổng thể và Khung chương trình mục tiêu quốc gia, nhằm tăng cường sự ủng hộ, tạo sự đồng thuận và niềm tin của đồng bào các dân tộc thiểu số vào chính sách dân tộc đúng đắn và nhất quán của Đảng, Nhà nước; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong việc thực hiện có hiệu quả chính sách dân tộc để phát triển bền vững vùng DTTS&MN.

Ban Dân tộc đề nghị các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện miền núi và các huyện, thị xã có xã miền núi triển khai công tác tuyên truyền cụ thể như sau:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân về các nội dung trọng tâm của Đề án tổng thể và Khung chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

- UBND các huyện, thị xã tuyên truyền, phổ biến đến UBND các xã, phường, thị trấn và người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của huyện, chỉ đạo Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện triển khai tuyên truyền về các nội dung trọng tâm của Đề án tổng thể và Khung chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN; tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với vùng đồng bào DTTS và MN góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa bỏ tập quán lạc hậu đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia...

Ban Dân tộc trân trọng đề nghị các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện miền núi và các huyện, thị xã có xã miền núi triển khai công tác tuyên truyền đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

(Gửi kèm theo Công văn này Dự thảo Đề cương tuyên truyền Đề án và khung chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN của Ủy ban Dân tộc)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo ban;
- Lưu VT, CSTT.



Lương Văn Tường

DỰ THẢO

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN

Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

**Khung Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

I. TÊN ĐỀ ÁN, KHUNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Tên Đề án

Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2. Tên Khung Chương trình Mục tiêu Quốc gia

Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là Chương trình).

3. Cơ quan quản lý Chương trình

Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Xuất phát từ vị trí, tầm quan trọng của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại và bảo vệ môi trường sinh thái

Nước ta có 53 DTTS với 14.118.232 người, gần 3 triệu hộ (chiếm 14,7% dân số cả nước), cư trú thành cộng đồng ở 51 tỉnh, thành phố, 548 huyện, 5266 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 382 xã biên giới (tiếp giáp với Trung Quốc, Lào và Campuchia). Địa bàn cư trú chủ yếu ở vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Duyên hải miền Trung, chiếm 3/4 diện tích cả nước.

Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh, Đảng và Nhà nước ta đã xác định vùng đồng bào DTTS khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Duyên hải Miền trung là những khu vực trọng yếu, giữ vị trí chiến lược quan trọng của đất nước.

2. Xuất phát từ thực trạng KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN là vùng có điều kiện khó khăn nhất, chất lượng nguồn nhân lực thấp nhất, KT-XH phát triển chậm nhất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản thấp nhất, tỷ lệ nghèo cao nhất.

Vùng đồng bào DTTS&MN có 5.266 xã, trong đó có 1.957 xã khu vực III và 20.139 thôn, bản ngoài xã khu vực III thuộc diện đặc biệt khó khăn. Chuyển dịch cơ

cấu kinh tế chậm, tỷ trọng lao động vùng đồng bào DTTS&MN làm việc trong khu vực nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao (hơn 80%), cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn thấp kém, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội¹.

Đồng bào các DTTS được tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức rất thấp so với bình quân chung cả nước: còn hơn 21% người DTTS trên 15 tuổi chưa đọc thông viết thạo tiếng Việt; khoảng 30% học sinh DTTS chưa được đi học đúng độ tuổi; Mức độ tiếp cận các dịch vụ y tế còn nhiều khó khăn, tỷ lệ được cấp thẻ BHYT cao nhưng tỷ lệ khám, chữa bệnh còn thấp, tỷ lệ phụ nữ mang thai được khám định kỳ mới đạt 71%, tỷ lệ sinh con tại nhà là 36,3%, trẻ em suy dinh dưỡng là 32%; gần 1/3 số hộ DTTS chưa được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh; hơn 15,3% số hộ gia đình người DTTS ở nhà tạm, đặc biệt có 14 dân tộc có tỷ lệ nhà ở tạm gần 50%; 2/3 số hộ DTTS chưa có nhà xí hợp vệ sinh;

Vùng đồng bào DTTS&MN đã và đang là "lõi nghèo của cả nước": Thu nhập bình quân của hộ đồng bào DTTS ở nhiều nơi chỉ bằng 40-50% bình quân thu nhập trong khu vực; tỷ lệ dân số DTTS chiếm 14,7% nhưng tỷ lệ hộ nghèo chiếm 55,27% tổng số hộ nghèo của cả nước. Hiện có 9 tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo người DTTS chiếm trên 90%; 4 tỉnh tỷ lệ hộ nghèo từ 70% - 90%. Một số nhóm DTTS có tỷ lệ hộ nghèo đang ở mức rất cao lên đến 70 - 80% như: Ô Đu, Co, Khơ Mú, Xinh Mun, La Ha, Kháng, Mông và Xơ Đăng...

Vùng đồng bào DTTS&MN chủ yếu là núi cao, biên giới, địa hình chia cắt, khí hậu khắc nghiệt, kết cấu hạ tầng kém nhất cả nước, xuất phát điểm rất thấp; biến đổi khí hậu, sự cố môi trường (Sạt lở đất, xâm nhập mặn ở đồng bằng Sông Cửu Long; lũ ống, lũ quét ở các tỉnh Tây Bắc; hạn hán ở các tỉnh Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung...) diễn ra nghiêm trọng và khó lường... Chi phí sản xuất, lưu thông hàng hóa lớn nên rất khó khăn để thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN, ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bền vững của vùng đồng bào DTTS&MN.

3. Xuất phát từ thực trạng nhiều đầu mối xây dựng quản lý, theo dõi chính sách; nguồn lực phân tán, dàn trải, chưa phân định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, đòi hỏi phải đổi mới chính sách đầu tư phát triển KT-XH cho vùng đồng bào DTTS&MN.

Theo quy định tại Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc, hiện nay có rất nhiều Bộ, ngành (Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Quốc phòng, Công an... và Ủy ban Dân tộc) cùng tham gia xây dựng, quản lý, theo dõi chính sách ở vùng đồng

¹ Còn 54 xã chưa có đường ô tô kết nối UBND xã với UBND huyện; 9.474 thôn chưa có đường cứng hóa; 3.400 thôn chưa có điện lưới; 4.355 trường (mầm non, tiểu học, THCS, THPT...) chưa được kiên cố hóa; 1.148 xã chưa có chợ; 1.749 xã chưa có nhà văn hóa; 7.072 thôn chưa có nhà văn hóa/nhà sinh hoạt cộng đồng...

bào DTTS&MN. Điều này dẫn đến đa số các chính sách được xây dựng và thực hiện theo yêu cầu, trách nhiệm của từng Bộ, ngành, thiếu sự điều phối chung, từ đó tạo ra sự trùng lặp, phân tán, thiếu kết nối giữa các chính sách.

Đồng bào các DTTS sinh sống ở những địa phương nghèo, chủ yếu nhận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, nên khó có thể lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện chính sách dân tộc, trong khi đó ngân sách Trung ương chưa bố trí đủ được nguồn vốn riêng để thực hiện chính sách, do vậy nhiều chính sách nhưng thiếu nguồn lực thực hiện, không đạt được mục tiêu đã đề ra.

4. Xuất phát từ yêu cầu thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững và Mục tiêu Thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015

Mục tiêu thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững ghi rõ: “Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm mọi người dân được phát huy mọi tiềm năng, tham gia và thụ hưởng bình đẳng thành quả của phát triển; xây dựng một xã hội Việt Nam hòa bình, thịnh vượng, bao trùm, dân chủ, công bằng, văn minh và bền vững”. Để thực hiện thành công mục tiêu tổng quát này, nước ta đã xác định 17 mục tiêu cụ thể, trong đó có 15/17 mục tiêu có liên quan đến vùng đồng bào DTTS&MN.

Xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, việc xây dựng Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN, xác định mục tiêu cụ thể, giải pháp đột phá để thúc đẩy phát triển toàn diện vùng này, thu hẹp dần khoảng cách với các vùng phát triển là yêu cầu bức thiết và khách quan.

5. Về mục tiêu

a. Mục tiêu tổng quát:

Khai thác tiềm năng, lợi thế so sánh của vùng, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp khoảng cách về mức thu nhập so với vùng phát triển; giảm dần địa bàn đặc biệt khó khăn; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; gia tăng đầu tư nguồn lực của nhà nước và các thành phần kinh tế để quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; đẩy mạnh phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; chú trọng xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; củng cố tăng cường khối đại

đoàn kết các dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

b. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Thu nhập bình quân của người DTTS tăng ít nhất 2,0 lần so với năm 2020; giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm từ 3% đến 5%; giảm 30% số xã đặc biệt khó khăn; 50% số thôn đặc biệt khó khăn so với năm 2020;

- Quy hoạch và bố trí, sắp xếp ổn định 50% số hộ di cư tự phát; sắp xếp ổn định số hộ cư trú phân tán trong các khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, khu vực có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất....;

- Trên 80% lao động từ 18 tuổi trở lên có việc làm với thu nhập ổn định;

- Giải quyết đất sản xuất, chuyển đổi nghề cho trên 80% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo vùng đồng bào DTTS&MN thiếu đất sản xuất.

- Về đời sống: Giảm 50% số hộ DTTS phải ở nhà tạm, dột nát; trên 95% hộ gia đình có phương tiện nghe, nhìn; trên 50% hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh; trên 60% số hộ DTTS được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- 80% thôn, bản có đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ truyền thống; 80% xã có thiết chế văn hóa phù hợp với phong tục, tập quán của đồng bào; 100% làng truyền thống được hỗ trợ bảo tồn gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

- Trên 90% đường ở thôn, bản được cứng hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải;

- 100% xã có trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đủ cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu dạy và học; đảm bảo có từ 10 - 12% số học sinh DTTS trong độ tuổi trung học được hưởng chính sách trường phổ thông dân tộc nội trú; 100% các tỉnh vùng đồng bào DTTS&MN giữ vững kết quả phổ cập giáo dục các cấp học. Phân đầu ít nhất 99% trẻ em 5 tuổi hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, 97% trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1; trên 95% người DTTS trong độ tuổi 15 đến hết tuổi lao động biết chữ;

- Trên 90% trạm y tế xã đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Trên 90% phụ nữ được khám thai ít nhất 3 lần trong kỳ mang thai, sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 8%;

- Trên 90% cán bộ, công chức xã có trình độ trung cấp chuyên nghiệp, trong đó trên 60% có trình độ đại học và trung cấp lý luận chính trị; trên 80% được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo Khung đối tượng 4;

- Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh².

c. Mục tiêu cụ thể đến 2030

- Không còn hộ đói; hộ nghèo giảm 80% so với năm 2020;

² Trong đó có mục tiêu 100% thôn, bản vùng đồng bào DTTS&MN có chi bộ độc lập làm hạt nhân chính trị lãnh đạo ở cơ sở.

- 80% hộ gia đình có mức sống bằng với mức sống dân cư trong khu vực;
- Giảm ít nhất 70% số thôn đặc biệt khó khăn; 80% số xã đặc biệt khó khăn so với năm 2020;
- Trên 85% xã vùng đồng bào DTTS&MN có cơ sở hạ tầng (đường, điện, trường học, trạm y tế, trụ sở làm việc...) đáp ứng được yêu cầu phát triển KT-XH và đời sống của người dân;
- Giải quyết căn bản tình trạng di cư tự phát trong đồng bào DTTS;
- Cơ bản hoàn thành 17 chỉ tiêu đề ra trong mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2015 - 2030 quy định tại Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối tượng thực hiện Chương trình

- Thôn, bản, buôn, làng, ấp... (sau đây gọi chung là thôn, bản); xã vùng đồng bào DTTS&MN;
- Hộ gia đình, cá nhân người DTTS;
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào DTTS&MN;
- Nhóm hộ và cộng đồng trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;
- Hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hoạt động tại vùng đồng bào DTTS&MN.

2. Phạm vi thực hiện Chương trình

Chương trình được thực hiện trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Giai đoạn 2021 – 2030

V. KHUNG NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Dự án 1: Tạo sinh kế, việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân

a. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

* Mục tiêu: Khuyến khích bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân.

* Đối tượng:

- Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng: bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng.

- Cộng đồng dân cư thôn, bản được giao rừng theo quy định của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng và Luật Đất đai thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán.

- Tổ chức, cá nhân có liên quan.

b. Tiêu Dự án 2: Phát triển đàn gia súc, gia cầm phù hợp với đặc thù từng vùng, miền

* Mục tiêu:

Phát triển chăn nuôi gia súc ăn cỏ, gia cầm theo chuỗi giá trị phù hợp với từng vùng, miền nhằm khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, góp phần giảm nghèo bền vững vùng đồng bào DTTS&MN.

* Đối tượng:

- Hộ nghèo, cận nghèo ở nông thôn vùng đồng bào DTTS&MN (214.000 hộ³).

- Nhóm trường nhóm phát triển chăn nuôi không thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác xã liên kết đầu tư cho hộ chăn nuôi theo chuỗi giá trị tại vùng đồng bào DTTS&MN.

c. Tiêu Dự án 3: Phát triển cánh đồng cỏ sinh thái kết hợp chế biến thức ăn cho chăn nuôi đại gia súc, gia súc ăn cỏ theo hướng sản xuất ứng dụng công nghệ cao

* Mục tiêu

Phát triển các cánh đồng cỏ sinh thái có khả năng phát triển du lịch, kết hợp chế biến thức ăn cho chăn nuôi đại gia súc, gia súc ăn cỏ theo hướng sản xuất ứng dụng công nghệ cao phục vụ đảm bảo cung cấp nguồn thức ăn ổn định quanh năm⁴ trên địa bàn các xã vùng cao, vùng đồng bào DTTS&MN.

* Đối tượng, địa bàn

- Đối tượng

+ Hộ nghèo, cận nghèo ở nông thôn vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Nhóm hộ phát triển chăn nuôi đại gia súc, gia súc ăn cỏ không thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác xã liên kết đầu tư trồng, sản xuất thức ăn chăn nuôi đại gia súc, gia súc ăn cỏ theo các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

- Địa bàn:

³Đáp ứng 60% nhu cầu hộ nghèo và cận nghèo có đủ điều kiện phát triển chăn nuôi, tương ứng 7,2% tỷ lệ hộ nghèo thuộc khu vực nông thôn vùng đồng bào DTTS&MN và vùng KT-XH ĐBKK.

⁴ Hạn chế tối đa tình trạng trâu, bò, ngựa, dê chết đói và chết rét vào mùa đông nên vùng đồng bào DTTS&MNMN.

Xã, thôn, bản vùng đồng bào DTTS&MN có diện tích đất canh tác nông nghiệp có năng suất thấp, đất sỏi, bãi tương đối tập trung có quy mô diện tích tối thiểu từ 100 ha trở lên.

d. Tiểu dự án 4: Phát triển sâm Ngọc Linh và dược liệu quý phù hợp vùng đồng bào DTTS&MN

* Mục tiêu

- Phát triển các cơ sở sản xuất giống gốc, giống thương phẩm đối với Sâm Ngọc Linh và các loài dược liệu địa phương, đáp ứng nhu cầu phát triển vùng trồng Sâm Ngọc Linh và dược liệu tập trung. Hình thành ít nhất 10 cơ sở sản xuất giống Sâm Ngọc Linh tại Quảng Nam và Kon Tum, 50 cơ sở sản xuất giống Sâm Ngọc Linh và các loại dược liệu quý khác trên địa bàn các tỉnh vùng đồng bào DTTS&MN khác;

- Đầu tư phát triển thí điểm 10 vùng nuôi trồng tập trung Sâm Ngọc Linh và xác định tối thiểu 100 loại dược liệu quý, có giá trị kinh tế cao phù hợp với địa bàn các huyện DTTS&MN trong phạm vi cả nước;

- Thu hút đầu tư ít nhất 100 hợp tác xã, cơ sở sản xuất, chế biến Sâm Ngọc Linh và dược liệu quý có quy mô từ nhỏ đến lớn, từ sơ chế, chế biến truyền thống đến ứng dụng công nghệ cao chế biến sâu để cung ứng nguyên liệu và tiêu thụ các sản phẩm dược liệu địa phương theo chuỗi liên kết đạt tiêu chuẩn, phục vụ nhu cầu sử dụng trong nước và hướng đến xuất khẩu;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các xã, huyện triển khai thực hiện thí điểm Dự án đặc thù phát triển sâm Ngọc Linh và dược liệu quý trên địa bàn các huyện vùng đồng bào DTTS&MN xuống bằng hoặc cao hơn không quá 10% so với tỷ lệ hộ nghèo chung của vùng đồng bào DTTS&MN.

* Đối tượng, phạm vi

- Đối tượng

+ Hộ gia đình, nhóm hộ gia đình người DTTS;

+ Hộ nghèo trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

+ Doanh nghiệp sử dụng tối thiểu 70% lao động là người DTTS;

+ Doanh nghiệp đăng ký hoạt động và nộp thuế ở địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

+ Thôn bản, xã, huyện, tỉnh vùng đồng bào DTTS&MN.

- Phạm vi: các huyện vùng đồng bào DTTS&MN đáp ứng các điều kiện sau:

+ Có ít nhất 50% tỷ lệ dân số là người DTTS trở lên;

+ Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện từ 30% trở lên;

+ Có ít nhất 1.000 ha rừng nguyên sinh, rừng phòng hộ ở độ cao từ 1.000 mét trở lên so với mực nước biển.

* Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ miễn, giảm tiền sử dụng đất:

Các cá nhân, hộ gia đình người DTTS, doanh nghiệp sử dụng từ 70% lao động là người DTTS tại chỗ trở lên đầu tư các dự án phát triển Sâm Ngọc Linh và được liệu quý được hưởng các chính sách dành cho các dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư (theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn) được Nhà nước giao đất hoặc được chuyển mục đích đất để làm nhà ở cho người lao động theo quy định tại Điều 55 Luật đất đai được miễn tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất được chuyển mục đích để xây dựng nhà ở cho người lao động làm việc tại dự án; được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đó sau khi được chuyển đổi.

- Hỗ trợ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê dịch vụ môi trường rừng của Nhà nước:

+ Các cá nhân, hộ gia đình người DTTS, doanh nghiệp sử dụng từ 70% lao động là người DTTS tại chỗ trở lên đầu tư các dự án phát triển Sâm Ngọc Linh và được liệu quý thì các dự án đó được miễn tiền thuê đất, thuê dịch vụ môi trường rừng kể từ ngày Nhà nước cho thuê đất, thuê dịch vụ môi trường.

- Về các khoản hỗ trợ tập trung đất đai:

+ Các cá nhân, hộ gia đình người DTTS, doanh nghiệp sử dụng từ 70% lao động là người DTTS tại chỗ trở lên đầu tư thuê, thuê lại đất, dịch vụ môi trường rừng của hộ gia đình, cá nhân riêng lẻ để thực hiện dự án đầu tư phát triển Sâm Ngọc Linh và được liệu quý thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí tương đương với 30% tiền thuê đất, thuê dịch vụ môi trường rừng cho 10 năm đầu kể từ khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động; giá thuê đất, thuê dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Các khoản hỗ trợ đặc thù trong đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến sản phẩm Sâm Ngọc Linh và được liệu quý:

Cá nhân, tổ chức kinh tế có dự án đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến sản phẩm Sâm Ngọc Linh và được liệu quý được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo các nội dung và định mức của sản phẩm chủ lực quốc gia như quy định tại Điều 11, Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường:

+ Cá nhân, tổ chức có dự án phát triển Sâm Ngọc Linh và được liệu quý được ngân sách nhà nước hỗ trợ 1 lần với tổng kinh phí không quá 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 01 tỷ đồng, gồm: Hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức trực tiếp đào tạo nghề cho lao động với mức hỗ trợ 02 triệu đồng/tháng/lao động, thời gian hỗ trợ 03 tháng.

- Các nội dung hỗ trợ khác được áp dụng theo quy định tại Điều 10, Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

đ. Tiêu dự án 5: Phát triển du lịch kết hợp bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc vùng đồng bào DTTS&MN

* Mục tiêu

- Đầu tư phát triển 100 Điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS&MN theo mô hình du lịch bền vững, có trách nhiệm, bảo đảm cộng đồng vùng đồng bào DTTS&MN được làm chủ và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch;

- Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở lưu trú vùng đồng bào DTTS&MN và hỗ trợ cho khoảng 5.000 cơ sở lưu trú vùng đồng bào DTTS&MN đạt chuẩn đón tiếp khách du lịch;

- Tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch các vùng đồng bào DTTS&MN kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào DTTS&MN;

- Ưu tiên đầu tư phát triển mô hình du lịch khám phá, du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng tại các bản, làng của đồng bào DTTS theo mô hình lưu trú tại nhà dân (homestay);

- Xây dựng cơ chế thu hút đầu tư vào điểm du lịch và các bản, làng theo mô hình du lịch cộng đồng, ưu tiên dự án hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ; ưu tiên tổ chức các sự kiện du lịch quốc gia, quốc tế trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

- Tăng tỷ lệ lao động trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN lên 15%, riêng đối với khu vực các điểm đến tiêu biểu vùng DTTS&MN lên 30%;

- Ít nhất 80% lao động người DTTS hoạt động trong lĩnh vực du lịch được đào tạo, tập huấn các kiến thức, kỹ năng cơ bản về du lịch, dịch vụ;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các xã, huyện có các điểm đến du lịch tiêu biểu xuống bằng hoặc cao hơn không quá 10% so với tỷ lệ hộ nghèo chung của cả nước.

* Đối tượng, phạm vi

- Hộ gia đình người DTTS;

- Hộ nghèo trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

- Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, lữ hành có sử dụng tối thiểu 70% lao động là người DTTS;

- Thôn bản, xã, huyện, tỉnh vùng đồng bào DTTS&MN.

e. Tiêu dự án 6: Hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN

* Mục tiêu

- Liên kết hoạt động và thành lập mới ít nhất 5 trung tâm tư vấn, ương tạo doanh nghiệp khởi nghiệp hỗ trợ chuyên sâu cho người DTTS khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp dựa vào chuỗi giá trị; tư vấn và hỗ trợ hoạt động cho ít nhất 50 cửa hàng giới thiệu sản phẩm khởi nghiệp của đồng bào DTTS;

- Hỗ trợ 5.000 mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và phát triển kinh doanh ở vùng đồng bào DTTS&MN;

- Tư vấn và hỗ trợ thành lập mới ít nhất 1.000 doanh nghiệp, hợp tác xã do người DTTS làm chủ; tạo ra ít nhất 10.000 việc làm mới có thu nhập thường xuyên cho người lao động trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

- 80% doanh nghiệp, hợp tác xã do người DTTS làm chủ và doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN có nhu cầu được tư vấn, hỗ trợ kịp thời trong 2 năm đầu tiên kể từ khi thành lập;

- Thành lập và hỗ trợ hoạt động ít nhất 15 câu lạc bộ doanh nhân DTTS khởi nghiệp;

- Thu hút các doanh nghiệp, các doanh nghiệp xã hội, các tổ chức kinh tế - xã hội đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh du lịch, thương mại vùng đồng bào DTTS&MN.

*** Đối tượng**

- Cá nhân, hộ gia đình người DTTS có khả năng và mong muốn khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ nhóm sản xuất do người DTTS làm chủ; doanh nghiệp hợp tác xã và các tổ nhóm sản xuất đăng ký kinh doanh và hoạt động trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ nhóm sản xuất sử dụng từ 70% lao động là người DTTS, người nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN trở lên;

- Các cá nhân, tổ chức, nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, đầu tư và hỗ trợ khởi nghiệp vùng đồng bào DTTS&MN.

- Các cá nhân, tổ chức, nhà đầu tư là doanh nghiệp, doanh nghiệp xã hội mong muốn đầu tư vào vùng đồng bào DTTS&MN.

* Xây dựng nội dung hỗ trợ đặc thù về tín dụng cho khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và doanh nghiệp đầu tư vào vùng đồng bào DTTS&MN với hạn mức vay ưu đãi tối thiểu gấp 5 lần mức vay dành cho hộ nghèo trong thời gian tối đa lên đến 120 tháng, nghiên cứu thành lập Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp vùng đồng bào DTTS&MN.

* Xây dựng, phát triển mạng lưới các tổ chức thúc đẩy kinh doanh dựa trên việc lựa chọn, xây dựng năng lực cho một số cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp người dân tộc thiểu số và đầu tư vốn ban đầu cho doanh nghiệp do người dân tộc thiểu số làm chủ hoặc doanh nghiệp sử dụng từ 70% lao động là người dân tộc thiểu số, người nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

* Phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp vùng đồng bào DTTS&MN gồm:

- Hỗ trợ 50% kinh phí (tối đa 300 triệu/chương trình) mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến

giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh phù hợp với vùng đồng bào DTTS&MN;

- Hỗ trợ kinh phí tập huấn, đào tạo cho tối thiểu 1.000 lượt học viên về kiến thức và kỹ năng ươm tạo và hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp theo chuỗi giá trị vùng đồng bào DTTS&MN;

g. Tiểu dự án 7: Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với bảo vệ an ninh biên giới với mô hình dân bản gắn với với bộ đội biên phòng, đoàn kinh tế quốc phòng

* Mục tiêu

Xây dựng mô hình gắn kết giữa dân bản – bộ đội biên phòng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh biên giới và chủ quyền của đất nước thông qua các hoạt động: giáo dục, y tế, phát triển kinh tế, tuần tra biên giới, tham gia công tác trong bộ máy chính quyền cấp cơ sở...

* Đối tượng

- Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã tại các xã biên giới đất liền;

- Bộ đội biên phòng tại các xã biên giới đất liền.

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, hỗ trợ ổn định đời sống và phát triển sản xuất

a. Tiểu dự án 1: Dự án quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư

* Mục tiêu:

Hoàn thành việc quy hoạch gắn với sắp xếp và bố trí ổn định dân cư cho 10.000 hộ ở các vùng có nguy cơ cao về thiên tai, ĐBK, biên giới, dân di cư tự do, khu rừng đặc dụng, phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, di cư tự do; giải quyết việc làm, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố quốc phòng, an ninh.

* Đối tượng: Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b. Tiểu dự án 2: Bố trí sắp xếp ổn định dân cư cho hộ DTTS còn du canh, du cư

* Mục tiêu

Hoàn thành dứt điểm các dự án định canh định cư theo Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

* Đối tượng: Hộ DTTS du canh, du cư còn lại thuộc các dự án định canh định cư đã được phê duyệt tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c. Tiểu dự án 3: Giải quyết đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt, công trình vệ sinh cho hộ gia đình DTTS nghèo

* Về nội dung hỗ trợ đất ở:

- Mục tiêu: Nhằm hỗ trợ cho đồng bào DTTS nghèo có đất ở để ổn định cuộc sống.

- Đối tượng: Hỗ trợ đất ở cho hộ DTTS nghèo chưa có đất ở, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ đất ở của nhà nước.

* Về nội dung hỗ trợ nhà ở:

- Mục tiêu: hỗ trợ hộ DTTS nghèo có điều kiện cải thiện nhà ở.

- Đối tượng: Hỗ trợ làm nhà ở cho những hộ DTTS nghèo nhà ở dột nát, nhà tạm, bao gồm cả những hộ đã được hỗ trợ làm nhà ở theo Quyết định 134/2004/QĐ-TTg và Quyết định 167/2008/QĐ-TTg nhưng nhà ở hiện nay đã hư hỏng.

* Về nội dung hỗ trợ đất sản xuất:

- Mục tiêu: Hỗ trợ hộ DTTS nghèo sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có đất hoặc thiếu đất sản xuất.

- Đối tượng: Hỗ trợ đất sản xuất cho hộ DTTS nghèo sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có đất sản xuất hoặc thiếu đất sản xuất dưới 50% định mức theo quy định của địa phương. Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất hoặc hộ DTTS nghèo không có đất sản xuất, có nhu cầu chuyển đổi nghề được nhà nước hỗ trợ học nghề và chuyển đổi nghề.

* Về nội dung hỗ trợ nước sinh hoạt:

- Mục tiêu: Hỗ trợ nước sinh hoạt cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN.

- Đối tượng: Hộ, nhóm hộ, cộng đồng dân cư.

- Nội dung hỗ trợ:

Hộ DTTS nghèo, hộ nghèo ở các xã khu vực III, thôn ĐBKk thiếu nước sinh hoạt được hỗ trợ tiền để tạo nguồn nước phục vụ sinh hoạt.

* Về nội dung hỗ trợ công trình vệ sinh:

- Mục tiêu: Hỗ trợ về vệ sinh môi trường nông thôn thông qua hỗ trợ đầu tư các công trình vệ sinh.

- Đối tượng:

+ Hộ DTTS không có công trình hố xí hợp vệ sinh(tự hoại và bán tự hoại) hoặc không có công trình hố xí.

+ Hộ gia đình chăn nuôi chưa có hầm biogas xử lý chất thải chăn nuôi.

3. Dự án 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh (Chương trình 135)

Dự án 2 là nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng xã 135 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 được phê duyệt tại Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ (tiểu dự án 1 thuộc Dự án 2 - Chương trình 135), điều chỉnh tăng định mức đầu tư cho cấp xã, thôn, bản gấp 2 so với hiện nay để đạt được các mục tiêu cụ thể Chương trình đã xác định.

* Mục tiêu: Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã ĐBKK, các thôn, bản ĐBKK.

* Đối tượng đầu tư: các xã ĐBKK, thôn, bản ĐBKK.

* Nội dung đầu tư:

- Công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh;
- Công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản;
- Trạm chuyên tiếp phát thanh xã; nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng;
- Trạm y tế xã đạt chuẩn;
- Công trình trường, lớp học đạt chuẩn;
- Cải tạo, xây mới các công trình thủy lợi nhỏ;
- Công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân;
- Các loại công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi;
- Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn.

4. Dự án 4: Phát triển nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ người DTTS

a. Tiểu dự án 1. Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

* Mục tiêu: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vùng đồng bào DTTS&MN đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới.

* Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

* Nội dung:

- Đào tạo cán bộ cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới thông qua các chuyên ngành đào tạo đặc thù tại Học viện Dân tộc ít nhất mỗi xã 2 cán bộ trong giai đoạn 2021-2030;
- Bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức trẻ ở xã (những nội dung cơ bản về quản lý nhà nước dành cho cán bộ, công chức trẻ ở xã; những giải pháp phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển kinh tế trang trại... trên địa bàn xã; các kỹ năng đối với cán bộ, công chức trẻ ở xã);
- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức theo các đối tượng quy định tại Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án "Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018 - 2025"; Thực hiện các nội dung về tuyên truyền, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kiến thức về dân tộc theo Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Thực hiện các nội dung về đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến về

công tác dân tộc theo Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025” theo Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

b. Tiêu dự án 2: Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc

* Mục tiêu: Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc bảo đảm tỷ lệ hợp lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tham gia vào các cơ quan của Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ Trung ương đến cơ sở.

* Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số.

* Nội dung:

- Thực hiện các chỉ tiêu về tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị theo Đề án “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới” theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Thực hiện chính sách đặc thù trong tuyển dụng công chức, viên chức người dân tộc thiểu số công tác tại vùng đồng bào DTTS&MN;

c. Tiêu dự án 3. Giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

* Mục tiêu: phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN.

* Đối tượng: Người lao động trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

* Nội dung hỗ trợ

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các chương trình, đề án, chính sách về phát triển giáo dục nghề nghiệp; trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn; phát triển, đa dạng các hình thức dạy nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán dân cư vùng đồng bào DTTS&MN, ĐBKK; phát triển mạnh các hình thức dạy nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng phù hợp với từng nhóm đối tượng trên từng địa bàn; tăng cường dạy nghề lưu động, dạy nghề tại chỗ (trên đồng ruộng, trang trại...); dạy nghề theo hình thức kèm cặp, cầm tay chỉ việc, truyền nghề tại các làng nghề; dạy nghề trên các phương tiện thông tin đại chúng, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học nghề, tạo và tự tạo việc làm;

- Tăng cường công tác tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là tại các vùng đồng bào DTTS&MN. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào đào tạo nghề nghiệp gắn với tuyển dụng lao động trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN. Khuyến khích và xây dựng để hình thành các doanh nghiệp, hợp tác xã của người dân tộc thiểu số, tại vùng đồng bào DTTS&MN;

d. Tiêu dự án 4: Đổi mới hoạt động của cơ sở giáo dục chuyên biệt (Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường dự bị đại học) ở vùng đồng bào DTTS&MN

* Mục tiêu: Đổi mới hoạt động của cơ sở giáo dục chuyên biệt (Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú) ở vùng đồng bào DTTS&MN nhằm thúc đẩy chuyển biến mạnh mẽ trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo vùng đồng bào DTTS&MN, tạo sự bình đẳng trong giáo dục (Học sinh DTTS và học sinh người Kinh học chung ở các trường, chỉ tạo điều kiện hỗ trợ học sinh DTTS về chính sách ăn, ở, nuôi dưỡng) góp phần phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của cả nước.

* Đối tượng hỗ trợ: giáo viên, học sinh, người lao động tại cơ sở giáo dục chuyên biệt (Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú) ở vùng đồng bào DTTS&MN.

* Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ quy hoạch và xây dựng mạng lưới trường học (Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường dự bị đại học);

- Hỗ trợ xây dựng chương trình, tài liệu dạy học phù hợp đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN;

- Hỗ trợ xây dựng quy định đặc thù về về chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo, bồi dưỡng người giáo viên Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường dự bị đại học trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

- Hỗ trợ giáo viên, người lao động tại Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường dự bị đại học: Trợ cấp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tham quan, học tập; Phụ cấp ưu đãi; Phụ cấp trách nhiệm; Phụ cấp thu hút; Phụ cấp dạy bằng tiếng và chữ viết của người dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ học sinh: hỗ trợ tài liệu học tập; hỗ trợ gạo, tiền ăn hàng tháng; hỗ trợ về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

5. Dự án 5: Về ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN

* Mục tiêu: Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin nhằm góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng đồng bào DTTS&MN với các địa bàn trong cả nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; chủ động phòng chống các tình huống gây mất an ninh, trật tự vùng đồng bào DTTS&MN; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương.

* Đối tượng:

- Đồng bào DTTS trong cả nước;

- Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan làm công tác dân tộc từ trung ương đến địa phương;

- Mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu khai thác, trao đổi, công bố thông tin về lĩnh vực công tác dân tộc.

* Nội dung:

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận thông tin, chú trọng các lĩnh vực kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng
- Nâng cấp nền tảng công nghệ thông tin phục vụ việc quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ trung ương đến địa phương.
- Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về việc ứng dụng công nghệ thông tin cho đồng bào dân tộc thiểu số
- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách
- Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông cho người làm công tác dân tộc

a. Tiểu dự án 1: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận thông tin, chú trọng các lĩnh vực kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng

b. Tiểu dự án 2 : Nâng cấp nền tảng công nghệ thông tin phục vụ việc quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương

c. Tiểu dự án 3 : Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về việc ứng dụng công nghệ thông tin cho đồng bào dân tộc thiểu số và cán bộ làm công tác dân tộc.

6. Dự án 6: Đầu tư nâng cao năng lực các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực dân tộc

* Mục tiêu

Nâng cao năng lực các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực dân tộc.

* Đối tượng thực hiện dự án

Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực dân tộc, bao gồm: Học viện Dân tộc, các trường dự bị đại học dân tộc, các trường phổ thông đặc thù, một số đơn vị sự nghiệp văn hóa.

* Nội dung thực hiện

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực dân tộc.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực dân tộc.

7. Dự án 7: Phát triển bền vững DTTS rất ít người và một số DTTS có hoàn cảnh ĐBKK

a. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế - xã hội các DTTS rất ít người

* Mục tiêu: Duy trì, phát triển và nâng cao vị thế của các DTTS rất ít người; xóa đói, giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần một cách bền vững nhằm giảm dần sự chênh lệch về khoảng cách phát triển giữa đồng bào các dân tộc thiểu số rất ít người với các đồng bào DTTS khác trong vùng; xây dựng cơ

sở hạ tầng thiết yếu ở các thôn; góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

* Đối tượng: Đầu tư trực tiếp tại 194 thôn, bản có đồng bào 12 DTTS rất ít người sống tập trung (La Ha, Phù Lá, Bô Y, Lự, Pà Thên, Lô Lô, , Chứt, Si La, Pu Páo, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm) tại 93 xã, thuộc 36 huyện, trên địa bàn 12 tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hà Giang, Yên Bái, Lào Cai, Cao Bằng, Tuyên Quang, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Kon Tum.

* Nội dung đầu tư/hỗ trợ

- Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu cơ sở hạ tầng tại thôn, bản: Đường giao thông, cầu cống; điện sản xuất, điện sinh hoạt; thủy lợi và nước sinh hoạt; nhà sinh hoạt cộng đồng; lớp học thôn bản và nhà công vụ giáo viên;

- Hỗ trợ phát triển sản xuất: Hỗ trợ trực tiếp cho sản xuất (giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp đầu vào; chuồng trại chăn nuôi, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản); hỗ trợ đất sản xuất (khai hoang tạo đất sản xuất; giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng); nâng cao kiến thức, trình độ, năng lực sản xuất (tập huấn cho hộ gia đình; tham quan học tập kinh nghiệm; hỗ trợ một lần cho cán bộ khuyến nông, khuyến lâm tại các thôn, bản);

- Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào (sưu tầm các loại hình văn hóa truyền thống đặc sắc; dạy tiếng dân tộc theo hình thức truyền khẩu, dạy văn hóa truyền thống của dân tộc; khôi phục nghề truyền thống tiêu biểu; phục dựng và bảo tồn các lễ hội truyền thống tiêu biểu; khôi phục, sản xuất nhạc cụ truyền thống; cấp trang thiết bị cho nhà sinh hoạt cộng đồng; thành lập đội văn nghệ thôn, bản; xây dựng điểm thôn, bản tiêu biểu bảo tồn kiến trúc văn hóa truyền thống);

b. Tiểu dự án 2: “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2015 - 2025”

* Mục tiêu

- Nâng cao nhận thức và ý thức pháp luật, chuyển đổi hành vi trong hôn nhân của đồng bào DTTS góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

- Trên 90% cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ văn hóa - xã hội xã được tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN vào năm 2025.

- Giảm bình quân 2% - 3%/năm số cặp tảo hôn và 3% - 5%/năm số cặp kết hôn cận huyết thống đối với các địa bàn, DTTS có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao. Đến năm 2025, phấn đấu ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

* Phạm vi thực hiện Đề án

Vùng đồng bào DTTS&MN, chú trọng khu vực MN phía Bắc, Bắc Trung bộ
- Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Tây Nam bộ.

c. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới trong vùng đồng bào DTTS&MN

* Mục tiêu

Tạo sự chuyển biến tích cực trong thực hiện bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ ở vùng dân tộc thiểu số, góp phần thúc đẩy thực hiện thành công các mục tiêu của Chiến lược quốc gia bình đẳng giới.

* Phạm vi thực hiện Đề án

Vùng đồng bào DTTS&MN, chú trọng khu vực MN phía Bắc, Bắc Trung bộ
- Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Tây Nam bộ.

* Nội dung thực hiện

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, nâng cao năng lực tổ chức và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, ban giám hiệu các trường trung học phổ thông nội trú, bán trú các cấp, người có uy tín ở địa bàn có người dân tộc thiểu số rất ít người sinh sống.

- Hỗ trợ xây dựng và thực hiện các mô hình nhằm thúc đẩy bình đẳng giới thông qua các can thiệp phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, hỗ trợ phát triển kỹ năng xã hội và năng lực kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa, phong tục của địa phương.

8. Dự án 8: Về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng đồng bào DTTS&MN

* Mục tiêu: Tăng cường chất lượng và hiệu quả của công tác thông tin, tuyên truyền vận động nhằm thúc đẩy chuyển biến về nhận thức và ý thức tự giác chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên vùng đồng bào DTTS&MN; củng cố và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ cốt cán, người có uy tín; thúc đẩy bình đẳng giới; tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng xã hội lành mạnh, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật, củng cố niềm tin của đồng bào với Đảng, Nhà nước.

* Đối tượng:

- Người dân sinh sống, cư trú ở vùng đồng bào DTTS&MN;

- Cán bộ, công chức, viên chức, sinh sống, công tác tại vùng đồng bào DTTS&MN;

- Già làng, trưởng thôn, bản, người có uy tín, các chức sắc tôn giáo ở các thôn ĐBKK thuộc các xã ĐBKK ở các tỉnh vùng đồng bào DTTS&MN;

- Bí thư chi bộ, chi hội trưởng chi hội phụ nữ, Bí thư chi đoàn thanh niên, chi hội trưởng chi hội cựu chiến binh, chi hội trưởng chi hội nông dân; trưởng ban công tác mặt trận; cán bộ tư pháp, cán bộ văn hóa thông tin ở các thôn ĐBKK thuộc các xã ĐBKK, xã biên giới ở tỉnh vùng đồng bào DTTS&MN;

- Đoàn, trạm, đội công tác biên phòng.

* Nội dung chính:

- Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng đồng bào DTTS&MN (theo nội dung chủ yếu của Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017);

- Cung cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí nhằm tăng cường công tác phổ biến thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị vùng đồng bào DTTS&MN, vùng đặc biệt khó khăn (theo nội dung chủ yếu của Quyết định 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019);

- Xây dựng đội ngũ và tăng cường phát huy vai trò của người có uy tín trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN (theo các nội dung chủ yếu của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018);

- Trang cấp các phương tiện nghe nhìn phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền vận động đồng bào DTTS dành cho các đối tượng đặc thù ở vùng đồng bào DTTS&MN, vùng đặc biệt khó khăn và khu vực biên giới (theo định hướng của Quyết định số 1860/QĐ-TTg ngày 23/11/2017);

- Thực hiện các hoạt động nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN theo định hướng và mục tiêu của Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017;

- Xây dựng chủ đề, biên soạn tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền về dân tộc (theo định hướng của Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019);

- Biên soạn, cung cấp tài liệu để trang bị những kỹ năng cần thiết, những cách làm hay, hiệu quả, thiết thực trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại ở vùng đồng bào DTTS&MN (theo định hướng của Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 28/02/2013);

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền giáo dục và củng cố tăng cường tinh hũu nghị của cộng đồng các dân tộc thiểu số dọc tuyến biên giới; tổ chức giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa đại biểu dân tộc thiểu số, người có uy tín trong đồng bào DTTS sinh sống trên địa bàn biên giới kết hợp với tăng cường công tác đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm về công tác dân tộc với các nước láng giềng (theo định hướng của Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 01/6/2018);

- Thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý theo hình thức phù hợp cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã, thôn bản vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 (tiếp tục thực hiện Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ trong giai đoạn 2021-2025).

9. Dự án 9: Dự án đặc thù đảm bảo an sinh xã hội vùng đồng bào DTTS&MN

a. Tiểu dự án 1: Chăm sóc sức khỏe sinh sản phụ nữ và phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

* Mục tiêu: Nâng cao chất lượng dân số, cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản phụ nữ và trẻ em, duy trì mức sinh thấp hợp lý, giải quyết tốt những vấn đề về cơ cấu dân số và phân bố dân số, phòng chống suy dinh dưỡng chiều cao và cân nặng trẻ em.

* Đối tượng hỗ trợ: phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và trẻ em

* Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng các cơ sở lưu trú tại trạm y tế xã dành cho phụ nữ DTTS mang thai chuẩn bị đến thời gian sinh nở đến thăm khám trước sinh, sử dụng dịch vụ đỡ đẻ và chăm sóc sau sinh;

- Hỗ trợ chính sách lưu trú và chế độ chính sách đặc thù dành cho phụ nữ DTTS mang thai trong thai kỳ và sau sinh;

- Kiện toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ theo phân tuyến kỹ thuật, tập trung cho vùng khó khăn, đảm bảo cung cấp các gói dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản thiết yếu ở tất cả các tuyến, đặc biệt là tuyến cơ sở.

- Nâng cao chất lượng công tác dự báo, lập kế hoạch về phương tiện tránh thai và hàng hóa sức khỏe sinh sản.

- Mở rộng cung cấp các dịch vụ tư vấn và kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc, chẩn đoán và điều trị sớm một số bệnh, tật trước khi sinh và sơ sinh trên cơ sở xây dựng hệ thống các trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy hoạch.

- Mở rộng cung cấp các dịch vụ tư vấn về phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em; nghiên cứu xây dựng và triển khai các chương trình sữa học đường, bữa ăn dinh dưỡng tại trường học...

b. Tiểu dự án 2: Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế

* Mục tiêu: Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là người dân thuộc hộ nghèo, cận nghèo, qua đó người dân được hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, được chia sẻ rủi ro khi ốm đau, bệnh tật.

* Đối tượng hỗ trợ: người dân vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là người dân thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

* Nội dung hỗ trợ

- Đầu tư trạm y tế xã đủ điều kiện về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, thuốc và các phương tiện khác, có bác sỹ làm việc thường xuyên, trạm y tế có khả năng thực hiện trên 70% các dịch vụ kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm thực hiện sơ cứu, cấp cứu thông thường theo đúng quy định của Bộ Y tế, từ đó nâng

cao chất lượng khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế đối với người tham gia BHYT đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại trạm y tế tuyến xã;

- Thông tin, tuyên truyền để người dân nâng cao nhận thức về sử dụng chế độ bảo hiểm y tế, đặc biệt đối với người thuộc hộ nghèo, cận nghèo vùng đồng bào DTTS&MN khi bị ốm đau, bệnh tật.

c. Tiêu dự án 3: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN

* Mục tiêu: Thực hiện chính sách xóa mù chữ (không biết đọc, biết viết chữ phổ thông) cho người dân ở vùng đồng bào DTTS&MN nhằm thúc đẩy chuyển biến đáng kể trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo vùng đồng bào DTTS&MN, tạo sự bình đẳng trong giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN.

* Đối tượng hỗ trợ: người dân mù chữ và giáo viên, người tham gia xóa mù chữ (bộ đội biên phòng, tăng lữ trong các ngôi chùa Khmer, cá nhân, tổ chức hảo tâm...) ở vùng đồng bào DTTS&MN.

* Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí đi lại, chi phí học tập, tài liệu... cho người dân mù chữ để khuyến khích họ tham gia các lớp xóa mù⁵;

- Hỗ trợ xây dựng chương trình, tài liệu dạy học phổ cập giáo dục, xóa mù chữ phù hợp đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN;

- Hỗ trợ xây dựng quy định đặc thù về nghiệp vụ, đào tạo, bồi dưỡng người tham gia dạy học phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN;

d. Tiêu dự án 5: Hỗ trợ phụ nữ DTTS tái hoàn nhập cộng đồng (bị lừa bán ra nước ngoài hoặc lấy chồng nước ngoài trở về)

* Mục tiêu:

Phòng chống các vụ mua, bán người, môi giới lấy chồng nước ngoài trái phép và hỗ trợ phụ nữ DTTS là nạn nhân các vụ mua, bán người, môi giới lấy chồng nước ngoài trái phép trở về sinh sống tại địa phương

* Đối tượng hỗ trợ

- Phụ nữ DTTS sinh sống tại địa bàn xảy ra các vụ mua, bán người, môi giới lấy chồng nước ngoài trái phép.

- Phụ nữ DTTS là nạn nhân các vụ mua, bán người, môi giới lấy chồng nước ngoài trái phép trở về sinh sống tại địa phương

* Nội dung

- Tuyên truyền, phổ biến thông tin về phòng chống loại hình tội phạm mua, bán người, môi giới lấy chồng nước ngoài trái phép.

⁵ Đa số người dân mù chữ vùng đồng bào DTTS&MN là thành viên lao động chính trong gia đình, vì vậy cần hỗ trợ chi phí đi lại, chi phí học tập, tài liệu... để bù vào phần thu nhập bị mất do giảm thời gian lao động thì mới khuyến khích được người mù chữ tham gia các lớp xóa mù chữ.

- Hỗ trợ phụ nữ DTTS tái hoàn nhập sau mua, bán người, lấy chồng nước ngoài trở về thông qua các mô hình sinh hoạt cộng đồng sống khỏe mạnh, an toàn, mô hình tiết kiệm tín dụng, mô hình sinh kế bền vững theo chuỗi giá trị, tham gia các câu lạc bộ về nghề truyền thống, ẩm thực, nghệ thuật biểu diễn và văn hóa truyền thống....

đ. Tiêu dự án 6: Thành lập và tổ chức hoạt động Quỹ "Tấm lòng vàng" đồng hành với đồng bào vùng đồng bào DTTS&MN

* Mục tiêu

Hình thành trên cơ sở vận động sự tự nguyện ủng hộ tài chính, vật chất của cá nhân, đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, mục đích nhằm hỗ trợ các trường hợp nghèo khó bị đau ốm, tai nạn đột xuất, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hỗ trợ các dự án khởi nghiệp trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

* Đối tượng hỗ trợ

- Người dân thuộc hộ nghèo, cận nghèo bị đau ốm, tai nạn đột xuất, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

- Một số dự án khởi nghiệp trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

g. Tiêu dự án 7: Xây dựng lò hỏa táng và khu hành lễ cho đồng bào DTTS Khmer và Chăm ở các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nam bộ

* Mục tiêu:

Đáp ứng nhu cầu cơ bản, cấp bách của cộng đồng trong việc xây dựng nếp sống văn minh đối với hoạt động tổ chức tang lễ của người dân; góp phần bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống trong văn hóa và tôn giáo của cộng đồng DTTS Khmer và Chăm ở các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nam bộ.

* Đối tượng hỗ trợ

- Các xã, ấp có từ 50% dân số là người DTTS Khmer và Chăm trở lên.

* Nội dung

- Xây dựng lò hỏa tang, khu hành lễ trên địa các xã, ấp vùng Nam Trung bộ và Tây Nam Bộ.

- Cải tiến, nâng cấp công nghệ xây dựng lò hỏa táng hiện đại, thân thiện với môi trường và một số quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng theo Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ.

- Duy tu, vận hành và bảo trì lò hỏa táng và khu hành lễ.

ỦY BAN DÂN TỘC